

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-PT

Ngày 30 tháng 7 năm 2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chinh;

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1960 (có mặt);

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị M, sinh năm 1964 (có mặt);

Đều cư trú tại: Thôn Y, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn ông Lê Mạnh H trình bày: Ông kết hôn với Mai Thị M vào ngày 23 tháng 11 năm 1983, việc đăng ký được thực hiện tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn ông bà có được tự do tìm hiểu trong một thời gian ngắn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình ông ở thôn Y, đến năm 1985 thì vợ chồng ra ở riêng. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, đến năm 1987 thì phát sinh mâu thuẫn, ông đã làm đơn xin ly hôn gửi ra UBND xã P. Nhưng được địa phương hòa giải, gia đình can ngăn nên vợ chồng lại chung sống đoàn tụ. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng vẫn

luôn xảy ra bất đồng. Năm 2017 bà M nhiều lần đòi chia tài sản, lúc đầu ông không đồng ý, nhưng bà M đã có nhiều lời lẽ xúc phạm ông, đồng thời vẫn tiếp tục yêu cầu chia tài sản và còn yêu cầu ly hôn. Do vậy, ông đã chia tiền cho bà M và vợ chồng sống ly thân từ đó. Ông chuyển vào sống cùng bố đẻ, bà M vẫn sống tại nhà của vợ chồng ở chợ Dừng. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Hiền, sinh 1985; Lê Thị Ngoan, sinh năm 1986 (đăng ký khai sinh ghi năm 1985) và Lê Tuấn Anh sinh năm 1992. Các con đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng, đều có khả năng lao động, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện ông H có đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông H đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Bị đơn là bà Mai Thị M xác nhận phần kết hôn và con chung như ông H khai và trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình ông H được vài tháng thì ông H lên Thái Nguyên làm kinh tế, thỉnh thoảng mới về nhà. Bà ở nhà vừa chăm sóc con và chăm lo cho gia đình nhà chồng. Đến năm 1988 thì ông H về quê sinh sống, làm ăn cho đến nay. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đôi lúc có mâu thuẫn nhưng không lớn, chỉ thỉnh thoảng cãi cọ trong lúc nóng giận. Bà luôn chăm sóc chồng con, chăm lo mọi công việc nhà chồng chu toàn, mẹ chồng ốm đau, bà chăm sóc đến khi mất. Khoảng 01 năm trở lại đây ông H vào ở với bố đẻ, bà vẫn muốn vào chăm sóc bố chồng nhưng do ông H không cho vào nên bà không vào được. Bà xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Lê Mạnh H được ly hôn bà Mai Thị M.

2. Về Tài sản: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng của ông Lê Mạnh H. Ông H có quyền yêu cầu giải quyết lại về vấn đề chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 5 năm 2020, bà Mai Thị M kháng cáo không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm xử cho ông Lê Mạnh H được ly hôn bà, vì cho rằng thiếu căn cứ, không tâm phục, khẩu phục.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Lê Mạnh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những lời khai như ở cấp sơ thẩm; ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm miễn toàn bộ án phí cho ông. Bị đơn là bà Mai Thị M vẫn giữ nguyên yêu

cầu kháng cáo; bà đề nghị Tòa án can thiệp giúp đỡ vợ chồng về đoàn tụ, bản thân bà không có giải pháp hữu hiệu nào để vợ chồng về đoàn tụ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông H; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Mai Thị M trong thời hạn luật định, nên được Tòa án xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bà Mai Thị M kháng cáo không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm số: 11/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh xử cho ông Lê Mạnh H được ly hôn bà, bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử bác đơn của ông Lê Mạnh H yêu cầu ly hôn bà.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Lê Mạnh H kết hôn với bà Mai Thị M vào năm 1983 trên cơ sở tự nguyện và có tuân theo các nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình. Việc đăng ký được thực hiện tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Ngay sau ngày cưới, bà M về chung sống với ông H tại thôn Y. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 1987 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, ông H đã làm đơn xin ly hôn bà M gửi ra UBND xã P, nhưng sau đó được chính quyền địa phương hòa giải, gia đình can ngăn nên vợ chồng vẫn chung sống đoàn tụ. Theo ông H trình bày thì tuy vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống, nhưng không được vui vẻ, luôn xảy ra bất đồng trong cuộc sống, song ông vẫn cố nhin để lo cho các con và chăm sóc bố mẹ. Đến năm 2017, bà M nhiều lần đòi chia tài sản và dùng lời lẽ xúc phạm ông, thách thức ông bỏ bà "Mày bỏ tao đi". Sau đó, ông đã phải chia tài sản cho bà M và vợ chồng sống ly thân từ đó. Bà M sống ở ngôi nhà của vợ chồng ở chợ Dừng, còn ông vào sống với bố ông tại nhà của bố mẹ ông, vợ chồng không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà M. Về con chung và tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Mai Thị M thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, chỉ thỉnh thoảng có cãi nhau do những mâu thuẫn nhỏ, hay lúc nóng giận. Bà vẫn chăm sóc chồng con chu toàn, chăm lo chu đáo với nhà chồng. Năm 2017, vợ chồng có chia tài sản, nhưng với

mục đích để xem ai kinh doanh thu nhập cao hơn. Từ đó, vợ chồng làm ăn, kinh doanh riêng. Thời gian khoảng 01 năm trở lại đây, ông H vào ở với bố đẻ, để chăm sóc bố ốm, ông H không cho bà vào chăm sóc nên bà không vào được, gần đây ông H mới cho bà vào thăm nom bố ông H ốm. Nay ông H xin ly hôn bà, bà xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, bà vẫn yêu thương ông H, nên bà không đồng ý ly hôn với ông H, bà đề nghị Tòa án xử bác đơn xin ly hôn của ông H để vợ chồng về đoàn tụ; bản thân bà không có giải pháp hữu hiệu nào để vợ chồng về đoàn tụ, bà đề nghị Tòa án can thiệp giúp. Về con chung, tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ông Lê Mạnh H kết hôn với bà Mai Thị M có tuân theo các nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa ông H và bà M phát sinh vào năm 1987, ông H đã từng làm đơn xin ly hôn bà M, nhưng được sự hòa giải của chính quyền địa phương và gia đình nên vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, vợ chồng đã tự chia tài sản và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan hệ gì với nhau nữa. Con của ông H, bà M là người sống gần gũi và thấu hiểu cuộc sống của bố mẹ nhất cũng phải thừa nhận bố mẹ mình mâu thuẫn đã từ lâu, sống ly thân đã được nhiều năm và sống không còn hạnh phúc. Xuất phát từ thực trạng đời sống chung của vợ chồng, Ông H đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà M, bà M xác định vẫn còn yêu thương ông H nên không đồng ý ly hôn, nhưng lại không đưa ra được giải pháp khả thi nào để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy, cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã xử cho ông H được ly hôn bà M là có căn cứ, phù hợp với pháp luật và thực tế. Bà M kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xử bác đơn yêu cầu ly hôn của ông H để vợ chồng đoàn tụ là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung và tài sản chung của vợ chồng: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về những những vấn đề trên, nên quyết định của Bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Lê Mạnh H chưa đủ 60 tuổi (chưa được coi là người cao tuổi); ông H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Mai Thị M, nên cấp sơ thẩm đã buộc ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông H đã đủ 60 tuổi và có đơn đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho ông. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông H, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông H theo quy định của pháp luật.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Mai Thị M không

được chấp nhận, nên bà M phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu miễn án phí của ông Lê Mạnh H; sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số: 11/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị M.

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 148, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Lê Mạnh H được ly hôn bà Mai Thị M.

2. Về Tài sản: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của ông Lê Mạnh H. Ông H có quyền yêu cầu giải quyết lại về vấn đề chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tòa bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Mạnh H. Hoàn trả ông Lê Mạnh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm và 16.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản, tổng cộng là 16.800.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0000795 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh;

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà M đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0000997 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã P, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp